

Số: 3511/CT-TTHT
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Việt P.A.N
(Địa chỉ: Khu A, nhà 16, Tập thể Công ty Hà Thủy, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Hà Nội. MST: 0102356855)

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được nhận được công văn số 0505/2017-VP ngày 05/05/2017 của Công ty TNHH Việt P.A.N về thuế nhà thầu, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

“Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

21. Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Khoản 1 và Khoản 10, Điều 3 Nghị định 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin quy định giải thích từ ngữ:

“Điều 3: Giải thích từ ngữ

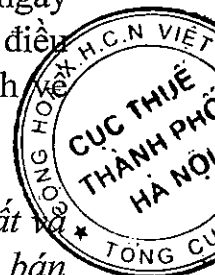
1. Sản phẩm phần mềm là phần mềm và tài liệu kèm theo được sản xuất và được thể hiện hay lưu trữ ở bất kỳ một dạng vật thể nào, có thể được mua bán hoặc chuyển giao cho đối tượng khác khai thác, sử dụng.

10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm.”

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định về người nộp thuế:

+ Tại Khoản 1 Điều 1 Đối tượng áp dụng:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.”



+ Tại Điều 4 quy định về người nộp thuế:

“Điều 4. Người nộp thuế

...
Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài”.

÷ Tại khoản 3 Điều 7 quy định về thu nhập chịu thuế TNDN:

“Điều 7. Thu nhập chịu thuế TNDN

3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...
- Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm)...”.

+ Tại Khoản 2 Điều 13 quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp:

“Điều 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế.

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế} \\ \text{TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{tính thuế} \\ \text{TNDN} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ thuế TNDN} \\ \text{tính trên doanh thu} \\ \text{tính thuế} \end{array}$$

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

÷ Đối với Thu nhập bản quyền: 10%”.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Việt P.A.N ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam để nhập khẩu phần mềm ứng dụng phục vụ cho thiết bị, phần mềm này thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 10, Điều 3 Nghị định 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai nộp thuế thay nhà thầu nước ngoài theo quy định.

+ Về thuế GTGT: Sản phẩm phần mềm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.

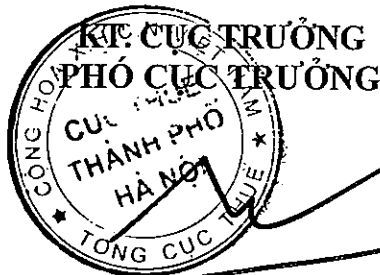
+ Về thuế TNDN: Công ty kê khai, nộp thuế theo tỷ lệ % thuế TNDN tính

trên doanh thu đối với thu nhập bản quyền là 10% theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Việt P.A.N được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CCT Đống Đa;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT (2) (6,4)



Mai Sơn

